TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **87**/2021/DS-ST.
Ngày: 06-8-2021.
V/v tranh chấp HĐ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn, ông Phan Sỹ Phác.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Xuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 64/2021/TLST-DS, ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-DS ngày 06/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

*/ *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ VN; Địa chỉ: Tháp B 35 HV, quận HK, Thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Tổng giám đốc.

- *Đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Thế H – Giám đốc Phòng giao dịch M thuộc Ngân hàng TMCP Đ VN, chi nhánh Đắk Nông; Địa chỉ: số 38 NTT, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông (Có mặt).

*/ *Bị đơn*: Ông Lăng Minh N, sinh năm 1992; Địa chỉ: thôn 01, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và lời khai của người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm trình bày: Ngày 23/6/2017 ông Lăng Minh N có ký kết với Ngân hàng TMCP Đ VN (viết tắt là B), hợp đồng tín dụng số 01/2017/9901461/HĐTD vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 13%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150 % lãi suất trong hạn, trả lãi hai tháng /lần vào ngày mùng 05, trả gốc

theo kỳ như sau: Ngày 23/6/2018 trả 100.000.000 đồng; Ngày 23/6/2019 trả 100.000.000 đồng; Ngày 23/6/2020 trả 400.000.000 đồng.

Khi vay ông Lăng Minh N có thế chấp cho Ngân hàng các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất 80 tờ bản đồ số 87, diện tích 13.087m^2, giấy chứng nhận QSD đất số BH 495772; thửa đất 90 tờ bản đồ số 87, diện tích 6.550m^2, giấy chứng nhận QSD đất số BH 495773; thửa đất 84 tờ bản đồ số 87, diện tích 1.299m^2, giấy chứng nhận QSD đất số BH 495774; thửa đất 79 tờ bản đồ số 87, diện tích 1.941m^2, giấy chứng nhận QSD đất số BH 495775; thửa đất 56 tờ bản đồ số 88, diện tích 9.514m^2, giấy chứng nhận QSD đất số BH 495776; thửa đất 65 tờ bản đồ số 88, diện tích 797m^2, giấy chứng nhận QSD đất số BH 495777; thửa đất 52 tờ bản đồ số 88, diện tích 135m^2, giấy chứng nhận QSD đất số BH 495778 tất cả tọa lạc tại xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông đều đứng tên ông Lăng Minh N để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Lăng Minh N mới trả cho Ngân hàng được số tiền lãi là 74.153.425 đồng.

Ngày 08/5/2018 ông Lăng Minh N có ký kết với Ngân hàng TMCP Đ VN (viết tắt là B), hợp đồng tín dụng số 01/2018/9901461/HĐTD, vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 13%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, trả lãi 03 tháng /lần vào ngày mùng 10, trả gốc theo kỳ như sau: Ngày 08/5/2019 trả 80.000.000 đồng; Ngày 08/5/2020 trả 80.000.000 đồng; Ngày 08/5/2021 trả 80.000.000 đồng; Ngày 08/5/2022 trả 80.000.000 đồng; Ngày 08/5/2023 trả 80.000.000 đồng.

Khi vay ông Lăng Minh N có thế chấp cho Ngân hàng các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất 120, 121 tờ bản đồ số 65, diện tích 4.995m^2, giấy chứng nhận QSD đất số CN 270211; thửa đất 34, 115 tờ bản đồ số 65, diện tích 12.215m^2, giấy chứng nhận QSD đất số CD 872344; tất cả đều tọa lạc tại xã Long Sơn, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đứng tên ông Lăng Minh N để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Nguyên đơn yêu cầu ông Lăng Minh N trả cho Ngân hàng số tiền đối với hai Hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Đối với HĐTD ngày 23/6/2017 tổng số tiền 910.646.575 đồng *(Chín trăm mười triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng)*, trong đó tiền gốc 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)*; lãi suất trong hạn là 247.463.013 đồng *(Hai trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mươi ba đồng)*; lãi suất quá hạn là 63.183.562 đồng *(Sáu mươi ba triệu một trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng)* và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên.

- Đối với HĐTD ngày 08/5/2018 tổng số tiền 588.396.713 đồng *(Năm trăm tám mươi tám triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm mười ba đồng)*, trong đó tiền gốc 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng)*; lãi suất trong hạn là 168.964.384 đồng *(Một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn*

ba trăm tám mươi bốn đồng); lãi suất quá hạn là 19.432.329 đồng *(Mười chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng)* và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng đã được ký kết.

Trường hợp ông Lăng Minh N không trả nợ hoặc trả không đầy đủ đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất: thửa đất 80 tờ bản đồ số 87, diện tích 13.087m^2; thửa đất 90 tờ bản đồ số 87, diện tích 6.550m^2; thửa đất 84 tờ bản đồ số 87, diện tích 1.299m^2; thửa đất 79 tờ bản đồ số 87, diện tích 1.941m^2; thửa đất 56 tờ bản đồ số 88, diện tích 9.514m^2; thửa đất 65 tờ bản đồ số 88, diện tích 797m^2; thửa đất 52 tờ bản đồ số 88, diện tích 135m^2 tất cả tọa lạc tại xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông đều đứng tên ông Lăng Minh N và Quyền sử dụng đất thửa đất 120, 121 tờ bản đồ số 65, diện tích 4.995m^2; thửa đất 34, 115 tờ bản đồ số 65, diện tích 12.215m^2; tất cả đều tọa lạc tại xã LS, huyện M, tỉnh Đắk Nông đứng tên ông Lăng Minh N để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

2. Đối với bị đơn ông Lăng Minh N: Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lăng Minh N nhưng ông Lăng Minh N đều vắng mặt tại các buổi làm việc, không đến Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Lăng Minh N phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ VN Đối với HĐTD ngày 23/6/2017 tổng số tiền 910.646.575 đồng, trong đó tiền gốc 600.000.000 đồng; lãi suất trong hạn 247.463.013 đồng; lãi quá hạn 63.183.562 đồng; Đối với HĐTD ngày 08/5/2018 tổng số tiền 588.396.713 đồng, trong đó tiền gốc 400.000.000 đồng; lãi suất trong hạn 168.964.384 đồng; lãi quá

hạn19.432.329 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp anh Lăng Minh Nghĩa không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Về chi phí xem xét thẩm định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 4.000.000 đồng đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án.

- Về lệ phí: Nguyên đơn nộp chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 4.000.000 đồng.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lăng Minh N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 01, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Kết quả xác minh tại Công an xã R thể hiện: ông Lăng Minh N hiện vẫn đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 01, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông; tuy nhiên ông Lăng Minh N không có mặt tại địa phương mà không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ nơi cư trú mới; Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã làm thủ tục thông báo nhắn tin trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo thời gian làm việc đối với ông Lăng Minh N trên Báo công lý các số 51, 52, 53 ra các ngày 25, 29/6/2021 và 02/7/2021; trên Đài tiếng nói Việt Nam phát sóng lúc 17h30-18h00 các ngày 16, 17, 18/6/2021 nhưng ông Lăng Minh N đều vắng mặt tại Tòa án mà không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối Cao, để tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

2. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về hợp đồng tín dụng:

- Theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/9901461/HĐTD ngày 23/6/2017 ông Lăng Minh N có ký kết với Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 13%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150 % lãi suất trong hạn, trả lãi 02 tháng /lần vào ngày mùng 05, trả gốc theo kỳ như sau: Ngày 23/6/2018 trả 100.000.000 đồng; Ngày 23/6/2019 trả 100.000.000 đồng; Ngày 23/6/2020 trả 400.000.000 đồng. Và theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/9901461/HĐTD ngày 08/5/2018 ông Lăng Minh N có ký kết với Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 13%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150 % lãi suất trong hạn, trả lãi 03 tháng /lần vào ngày mùng 10, trả gốc theo kỳ như sau: Ngày 08/5/2019 trả 80.000.000 đồng; Ngày 08/5/2020 trả 80.000.000 đồng; Ngày 08/5/2021 trả 80.000.000 đồng; Ngày 08/5/2022 trả 80.000.000 đồng; Ngày 08/5/2023 trả 80.000.000 đồng. Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 01/2017/9901461/HĐTD ngày 23/6/2017 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/9901461/HĐTD ngày 08/5/2018 đến hạn trả lãi nhưng ông Lăng Minh N không trả do đó Ngân hàng chuyển nợ quá hạn đối với khoản gốc đến hạn và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản nợ và khởi kiện yêu cầu ông Lăng Minh N trả nợ. Việc ông Lăng Minh N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm Điều 7 của hợp đồng tín dụng và Điều 4 điều khoản và điều kiện vay của cả hai hợp đồng mà các bên đã ký kết, vi phạm Điều 466 của Bộ luật dân sự, do đó Ngân hàng TMCP Đ VN khởi kiện yêu cầu ông Lăng Minh N phải thanh toán số nợ gốc của cả hai hợp đồng là có căn cứ, cần chấp nhận và buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số nợ gốc là: 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng)*.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi giữa Ngân hàng TMCP Đ VN và ông Lăng Minh N theo hợp đồng cho vay là phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Lăng Minh N phải thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tính đến ngày xét xử là ngày 06/8/2021, cụ thể: Đối với hợp đồng tín dụng số 01/2017/9901461/HĐTD ngày 23/6/2017, lãi trong hạn là 247.463.013 đồng, lãi quá hạn là 63.183.562 đồng và đối với hợp đồng tín dụng số 01/2018/9901461/HĐTD ngày 08/5/2018, lãi trong hạn là 168.964.384 đồng, lãi quá hạn là 19.432.329 đồng. Ngoài ra ông Lăng Minh N phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong từng Hợp đồng tín dụng.

2.2. Đối với tài sản thế chấp:

- Hiệu lực của hợp đồng thế chấp: Khi vay ông Lăng Minh N có thế chấp cho Ngân hàng các tài sản: Quyền sử dụng đất thửa đất 80 tờ bản đồ số 87, diện

tích 13.087m^2; thửa đất 90 tờ bản đồ số 87, diện tích 6.550m^2; thửa đất 84 tờ bản đồ số 87, diện tích 1.299m^2; thửa đất 79 tờ bản đồ số 87, diện tích 1.941m^2; thửa đất 56 tờ bản đồ số 88, diện tích 9.514m^2; thửa đất 65 tờ bản đồ số 88, diện tích 797m^2; thửa đất 52 tờ bản đồ số 88, diện tích 135m^2 tất cả tọa lạc tại xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông đều đứng tên ông Lăng Minh N được công chứng tại Văn phòng công chứng VMV số 5967, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/6/2017 và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M và Quyền sử dụng đất thửa đất 120, 121 tờ bản đồ số 65, diện tích 4.995m^2; thửa đất 34, 115 tờ bản đồ số 65, diện tích 12.215m^2; tất cả đều tọa lạc tại xã LS, huyện M, tỉnh Đắk Nông đứng tên ông Lăng Minh N được công chứng tại Văn phòng công chứng VMV số 5198, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/5/2018 và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M. Như vậy, hợp đồng thế chấp mà các bên ký kết được lập đúng hình thức, nội dung và có đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định nên có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản thế chấp: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/6/2021 và ngày 18/6/2021 xác định các Quyền sử dụng đất thửa đất 80 tờ bản đồ số 87, diện tích 13.087m^2; thửa đất 90 tờ bản đồ số 87, diện tích 6.550m^2; thửa đất 84 tờ bản đồ số 87, diện tích 1.299m^2; thửa đất 79 tờ bản đồ số 87, diện tích 1.941m^2; thửa đất 56 tờ bản đồ số 88, diện tích 9.514m^2; thửa đất 65 tờ bản đồ số 88, diện tích 797m^2; thửa đất 52 tờ bản đồ số 88, diện tích 135m^2 tất cả tọa lạc tại xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông đều đứng tên ông Lăng Minh N và Quyền sử dụng đất thửa đất 120, 121 tờ bản đồ số 65, diện tích 4.995m^2; thửa đất 34, 115 tờ bản đồ số 65, diện tích 12.215m^2; tất cả đều tọa lạc tại xã LS, huyện M, tỉnh Đắk Nông đứng tên ông Lăng Minh N phù hợp với bản đồ giải thửa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên thực tế phù hợp, đúng vị trí.

3. Đối với ông Lăng Minh N, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần (đã tiến hành thông báo, niêm yết theo đúng quy định của pháp luật) và đã được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có thông tin, không đến Tòa án làm việc; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

5. Về các chi phí tố tụng khác:

5.1. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)* cho nên bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn.

5.2. Về chi phí xác minh, đăng tin: Nguyên đơn phải chịu số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)* chi phí xác minh, đăng tin theo Điều 180 của

Bộ luật tố tụng dân sự được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ này.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ VN đối với bị đơn ông Lăng Minh N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1. Buộc ông Lăng Minh N phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ VN tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/8/2021 là 1.499.043.288 đồng *(Một tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu không trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng)* cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9901461/HĐTD ngày 23/6/2017 là 910.646.575 đồng *(Chín trăm mười triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng)*, trong đó tiền gốc 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)*; lãi suất trong hạn là 247.463.013 đồng *(Hai trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mươi ba đồng)*; lãi suất quá hạn là 63.183.562 đồng *(Sáu mươi ba triệu một trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng)*.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2018/9901461/HĐTD ngày 08/5/2018 là 588.396.713 đồng *(Năm trăm tám mươi tám triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm mười ba đồng)*, trong đó tiền gốc 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng)*; lãi suất trong hạn là 168.964.384 đồng *(Một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng)*; lãi suất quá hạn là 19.432.329 đồng *(Mười chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng)*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/8/2021), ông Lăng Minh N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng cho vay và giấy nhận nợ cho đến khi trả xong nợ. Trường

hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Lăng Minh N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ VN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: thửa đất 80 tờ bản đồ số 87, diện tích 13.087m^2, giấy chứng nhận QSD đất số BH 495772; thửa đất 90 tờ bản đồ số 87, diện tích 6.550m^2, giấy chứng nhận QSD đất số BH 495773; thửa đất 84 tờ bản đồ số 87, diện tích 1.299m^2, giấy chứng nhận QSD đất số BH 495774; thửa đất 79 tờ bản đồ số 87, diện tích 1.941m^2, giấy chứng nhận QSD đất số BH 495775; thửa đất 56 tờ bản đồ số 88, diện tích 9.514m^2, giấy chứng nhận QSD đất số BH 495776; thửa đất 65 tờ bản đồ số 88, diện tích 797m^2, giấy chứng nhận QSD đất số BH 495777; thửa đất 52 tờ bản đồ số 88, diện tích 135m^2, giấy chứng nhận QSD đất số BH 495778 tất cả tọa lạc tại xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông đều đứng tên ông Lăng Minh N và thửa đất 120, 121 tờ bản đồ số 65, diện tích 4.995m^2, giấy chứng nhận QSD đất số CN 270211; thửa đất 34, 115 tờ bản đồ số 65, diện tích 12.215m^2, giấy chứng nhận QSD đất số CD 872344; tất cả đều tọa lạc tại xã LS, huyện M, tỉnh Đắk Nông đứng tên ông Lăng Minh N

3. Về án phí: ông Lăng Minh N phải nộp số tiền 56.971.000 đồng *(Năm mươi sáu triệu chín trăm bảy mốt nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ VN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.188.000 đồng *(Hai mươi sáu triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng)* theo biên lai số 0004926 ngày 17/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Lăng Minh N có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ VN số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)*.

5. Về chi phí đăng tin: Ngân hàng TMCP Đ VN phải chịu số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)* chi phí đăng tin (đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh